

Số: **25** /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **13** tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đá làm vật
liệu xây dựng thông thường mỏ đá Bình Đông, xã Bình Đông,
huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản số ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 23/4/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản mỏ đá Bình Đông, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi” (Trữ lượng tính đến ngày 01 tháng 4 năm 2019);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 32/STNMT-KS ngày 06/01/2021 và Báo cáo thẩm định số 31/STNMT-TĐKS ngày 06/01/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá trị tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đá Bình Đông, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

1. Tổ chức cá nhân nộp tiền: Công ty Cổ phần Thương mại và Khai thác khoáng sản CDC Hà Nội;

- Địa chỉ: Số 41, Ngõ 34 đường Xuân La, cụm 5, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội;

- Số điện thoại: 039.6869999;

- Mã số thuế: 0107824899.

2. Trữ lượng khoáng sản được phép khai thác, sử dụng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

- Trữ lượng đá được phép khai thác: $Q_{\text{đá}} = 892.597\text{m}^3$;

- Trữ lượng đất, đá phong hóa tầng phủ (khoáng sản đi kèm), sử dụng để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: $Q_{\text{đất}} = 320.363\text{m}^3$.

3. Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm tính lần đầu G:

- $G_{\text{đá}} = 125.375$ đồng/ m^3 trữ lượng địa chất;

- $G_{\text{đất}} = 63.210$ đồng/ m^3 trữ lượng địa chất.

4. Tổng số tiền cấp quyền phải nộp tính theo giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm phê duyệt:

- Đối với đá xây dựng: 2.719.397.178 đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ, bảy trăm mười chín triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn, một trăm bảy mươi tám đồng*);

- Đối với đất tầng phủ làm vật liệu san lấp: 492.079.143 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi hai triệu không trăm bảy mươi chín nghìn một trăm bốn ba đồng*).

5. Đối với đất tầng phủ dùng làm vật liệu san lấp:

- Tiền cấp quyền phải nộp là 492.079.143 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi hai triệu không trăm bảy mươi chín nghìn một trăm bốn ba đồng*).

- Thời điểm nộp tiền cấp quyền: Chậm nhất là 90 ngày, tính từ ngày nhận được thông báo của Cục thuế tỉnh và trước khi nhận Giấy phép khai thác.

6. Đối với đá làm vật liệu xây dựng thông thường:

a) Tổng số lần nộp: 09 (chín) lần (bao gồm cả số tiền nộp lần đầu).

b) Số tiền nộp lần đầu (năm 2021) là: 98.887.170 đồng (*Bằng chữ: Chín mươi tám triệu, tám trăm tám mươi bảy nghìn, một trăm bảy mươi tám đồng*).

Thời điểm nộp tiền lần đầu: chậm nhất là 90 ngày, tính từ ngày nhận được thông báo của Cục thuế tỉnh và trước khi nhận Giấy phép khai thác.

c) Số tiền nộp hàng năm (T_{hn}):

Nộp lần đầu	Nộp tiền các năm còn lại (đồng)			
	2022	2023	2024	2025
2021 (đồng)				
98.887.170	361.449.656	361.449.656	361.449.656	361.449.656
	2026	2027	2028	2029
	361.449.656	361.449.656	361.449.656	90.362.416

7. Thời gian nộp bắt đầu từ năm 2021 đến năm 2029.

Thời điểm nộp tiền các lần sau (từ lần thứ hai vào năm tiếp theo) được chia làm 2 kỳ: Kỳ thứ nhất: thời hạn nộp tiền chậm nhất là ngày 31/5, Kỳ thứ 2: thời hạn nộp tiền chậm nhất là ngày 31/10, riêng năm 2029 nộp một lần trước ngày 31/5; Sau các thời điểm này, ngoài số tiền phải nộp theo thông báo, Công ty Cổ phần Thương mại và Khai thác khoáng sản CDC Hà Nội còn phải nộp tiền phạt theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

8. Số tiền nộp từ năm 2022 trở đi sẽ được thay đổi trong trường hợp có sự thay đổi về giá tính thuế tài nguyên do UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tính toán lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định số 67/2019/NĐ-CP 31/7/2019 của Chính phủ và gửi Thông báo cho Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi để thực hiện.

9. Trường hợp có sự thay đổi về mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản do Chính phủ ban hành, Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tính toán lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 10 Nghị định số 67/2019/NĐ-CP 31/7/2019 của Chính phủ và gửi Thông báo cho Cục Thuế tỉnh Quảng Ngãi để thực hiện.

Điều 2. Công ty Cổ phần Thương mại và Khai thác khoáng sản CDC Hà Nội chịu trách nhiệm nộp tiền theo đúng quy định tại Điều 1 Quyết định này và theo Thông báo của Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở ngành: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành liên quan; Trưởng Ban Quản lý KKT Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND huyện Bình Sơn; Chủ tịch UBND xã Bình Đông và Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Khai thác khoáng sản CDC Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Tổng Cục ĐC&KS Việt Nam;
- VPUB: PCVP, CB-TH;
- Lưu: VT, CN-XDak23.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Văn Minh